TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2024/QĐST-VLĐ	*Dĩ An, ngày 28 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Liễng.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 36/2024/TLST-VLĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 17/2024/QĐST-VLĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1988; thường trú: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Số A, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; trụ sở: Số G, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Bà Thạch Thị H1, sinh năm 1992; Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Số A, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

*Tại đơn yêu cầu bà **Thạch Thị H** trình bày:* Từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2012, bà ***H*** làm việc tại ***Công ty Trách nhiệm hữu hạn E***, địa chỉ: ***Số G, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương*** và có đóng bảo hiểm xã hội số 7409290902. Nay bà ***H*** liên hệ Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ xin rút sổ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của bà ***H*** bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà ***H*** có cho bà ***Thạch Thị Hà m*** thông tin cá nhân của bà ***H*** để giao kết hợp đồng lao động tại ***Công ty TNHH B*** từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011. Trước khi bà ***Thạch Thị H1*** (sử dụng thông tin của bà ***H***) giao kết Hợp đồng lao động với ***Công ty B*** thì từ tháng 10/2009, bà ***H*** đang giao kết hợp đồng lao động với ***Công ty Trách nhiệm hữu hạn E***.

Do đó, bà ***H*** bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011, đây là thời gian bà ***Thạch Thị Hà m*** hồ sơ lao động của bà ***H***. Nay bà ***H*** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà ***Thạch Thị H1*** với tên là ***Thạch Thị H*** và ***Công ty TNHH B*** từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 là vô hiệu.

- ***Công ty TNHH B*** *vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến*.

- *Ông **Dương Văn T** là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội **thành phố D, tỉnh Bình Dương** trình bày*: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của ***Công ty TNHH B*** cho người lao động thì ***Công ty TNHH B*** có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà ***Thạch Thị H***, sinh ngày 01/01/1998, số CMND 334417444, CCCD 089195019897 từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 với mã số 7409290902 và đã nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội 01 lần. Ngoài ra, bà ***Thạch Thị H*** còn có mã số 7408151338 tham gia BHXH tại ***Công ty TNHH E*** từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2012. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà ***Thạch Thị H***, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà ***Thạch Thị H***, Bảo hiểm xã hội ***thành phố D, tỉnh Bình Dương*** không có ý kiến.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Thạch Thị H1** trình bày*: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn để đóng Bảo hiểm xã hội nên tháng 10/2009 bà ***H1*** có mượn thông tin cá nhân của bà ***H*** để giao kết hợp đồng lao động tại ***Công ty TNHH B***, địa chỉ: ***Số G, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương***. Bà ***H1*** làm việc tại ***Công ty TNHH B*** từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011. Tuy nhiên, trước khi bà ***H1*** giao kết hợp đồng lao động với ***Công ty TNHH B*** thì bà ***H*** cũng đang sử dụng thông tin này để giao kết hợp đồng lao động với ***Công ty TNHH E***, địa chỉ: ***Số G, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương***.

Do đó, khi bà Thạch Thị H liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương xin rút hồ sơ bảo hiểm xã hội thì nhận được thông báo là thông tin

bảo hiểm bị trùng. Nay, bà H1 đồng ý với toàn bộ yêu cầu bà H. Bà H1 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động (từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011) giữa bà Thạch Thị H và Công ty TNHH B.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H, bà H1, Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH B đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Thạch Thị H. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011, người lao động tên Thạch Thị H, sinh ngày 01/01/1998, số CMND 334417444, CCCD 089195019897 được Công ty TNHH B tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409290902. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH B và người lao động Thạch Thị H phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 10/2009. Tuy nhiên, bà Thạch Thị H và bà Thạch Thị H1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 theo hợp đồng lao động là bà Thạch Thị H1 chứ không phải bà Thạch Thị H do bà H1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà H để đi làm việc. Đối với bà H trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH E. Mục đích mượn giấy tờ là để bà H1 có việc làm do thời gian này bà H1 chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà H và bà H1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 bà Thạch Thị H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH B và Công ty TNHH E. Xét thấy, việc bà H1 lấy tên bà H để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó bà Thạch Thị H yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 giữa bà Thạch Thị H (do bà Thạch Thị Hà m tên) với Công ty TNHH B là có căn cứ

theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Thạch Thị H bị trùng từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011. Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH B với bà H (do bà H1 sử dụng thông tin của bà H để ký) từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Thạch Thị H phải chịu theo quy định.

[6] Chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 (ba triệu) đồng, bà H tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền đã ứng nộp.

[7] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Thạch Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị H (do bà Thạch Thị H1 ký kết) với Công ty TNHH B từ tháng 10/2009 đến tháng 01/2011 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Thạch Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004509ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí tố tụng: Bà Thạch Thị H tự nguyện chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào số tiền đã ứng nộp tại Tòa án.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Liễng